

Số: /TTr-BNN-KTHT

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

(Tờ trình phục vụ công tác thẩm định văn bản của Bộ Tư pháp)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Công văn số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp (dự thảo Nghị định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp để thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2020 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng, hoàn thiện chính sách về đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Nghị định về đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Thông báo số 97/TB-VPCP ngày 14/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến về “Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp” và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tiếp tục giao Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản này.

Công văn số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trình Chính phủ tháng 12/2021.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Hiện trạng chính sách cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp:

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, thay thế các Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và 65/2011/QĐ-TTg với phạm vi hỗ trợ rộng hơn và không bị ràng buộc 60% giá trị sản xuất trong nước đối với máy móc phục vụ nông nghiệp. Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả như sau:

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị, công nghệ được đầu tư áp dụng trong nông nghiệp; nhiều khâu sản xuất có mức độ cơ giới hóa cao, nhất là sản xuất lúa tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, khâu làm đất lúa vùng đồng bằng sông Hồng đạt gần 100%, thu hoạch lúa gần 90%.

- Cơ giới hóa nông nghiệp đã giải quyết được khâu lao động nặng nhọc, đảm bảo tính thời vụ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của một số nông sản, góp phần tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu hàng đầu thế giới.

- Thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ ở nông thôn: Đã hình thành nhiều mô hình liên kết doanh nghiệp¹ với hợp tác xã, nông dân sản xuất trên cánh đồng lớn với các dịch vụ cơ giới hóa cho các khâu làm đất, cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, sấy khô, cho thuê kho bảo quản với những ưu đãi nhất định.

- Chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy, thiết bị nông nghiệp đã góp phần nâng cao mức độ cơ giới hóa và khuyến khích thúc đẩy các cơ sở

¹ Hiện nay cả nước có 271 tổ chức khoa học, gần 587 nghìn hộ nông dân, 4.028 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Kết quả liên kết chuỗi đã xây dựng được 26 mô hình chuỗi liên kết giữa hộ nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể có 18 mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất và tiêu thụ mía đường, 08 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo.

cơ khí chế tạo máy nông nghiệp trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị sản xuất có hiệu quả.

b) Một số hạn chế:

- Cho đến nay, Việt Nam chưa có chiến lược phát triển ổn định lâu dài, làm căn cứ để xây dựng các cơ chế, chính sách đồng bộ, hoạch định kế hoạch phát triển cơ giới hóa nông nghiệp.

- Chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về các tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; các chỉ số đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp của từng địa phương.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sử dụng, vận hành máy, thiết bị nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cao.

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp một số khâu tuy đã đạt cao nhưng chưa đồng bộ, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực².

- Trình độ trang bị máy động lực còn lạc hậu, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ³, chỉ thích hợp với quy mô hộ, diện tích đất manh mún (các loại máy nhỏ chiếm trên 60%).

- Cơ khí trong nước chưa đáp ứng nhu cầu máy, thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp về chủng loại, số lượng cũng như chất lượng máy (mới đạt khoảng 33% nhu cầu sản phẩm cơ khí); máy kéo, máy gặt lúa chủ yếu của KUBOTA; YANMAR Nhật Bản; Hàn Quốc; Trung Quốc; máy phun thuốc bảo vệ thực vật, máy gieo hạt, máy cắt cỏ chủ yếu của Honda Nhật Bản.

- Cơ chế chính sách đã ban hành tương đối đầy đủ nhưng thực thi còn hạn chế, thiếu sự nhất quán, đồng bộ, đặc biệt về cơ chế tài chính do nguồn lực còn hạn chế⁴.

- Chính sách hỗ trợ nông dân mua máy sản xuất nông nghiệp (Quyết định 68/2013/QĐ-TTg) khả năng tiếp cận vốn vay của người dân còn khó khăn do không có tài sản thế chấp. Cơ chế hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển cho các cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp không hấp dẫn các cơ sở đầu tư cơ khí.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cơ giới hóa, hiện đại hóa như: Đường giao thông liên

² Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 3,3 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha);

³ Máy kéo công suất trên 35 CV chiếm 6,5%; từ 12-35 CV chiếm 48%; dưới 12 CV chiếm 45,5%.

⁴ Tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến 6/2021 doanh số cho vay đạt hơn 12.000 tỷ đồng với gần 37.800 lượt khách hàng được vay vốn ngân hàng để mua sắm đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dự nợ cho vay đạt 1.700 tỷ đồng, trong đó dự nợ cho vay hỗ trợ lãi suất chiếm hơn 97% tổng dự nợ cho vay chương trình; dự nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước chiếm gần 3% tổng dự nợ cho vay chương trình.

vùng, liên xã, giao thông nội đồng; quy mô đồng ruộng còn nhỏ, phân tán, diện tích còn manh mún; hệ thống tưới, tiêu chủ động chưa đồng bộ;

- Máy móc, thiết bị nông nghiệp cơ bản đang được đầu tư theo quy mô hộ, hiệu suất sử dụng máy chưa cao, chưa hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa⁵.

- Chất lượng máy móc, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát, thực hiện theo Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, còn để thả nổi; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được đào tạo⁶ sử dụng, vận hành; huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động; trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân không được thực hiện, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao.

c) Nguyên nhân:

- Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún trong một nền nông nghiệp mà các hộ nông dân vẫn là chủ thể sản xuất chính⁷. Trong đó, ruộng đất canh tác của mỗi hộ lại chia thành nhiều thửa ruộng với độ phân tán nhất định, cản trở cho thực hiện cơ giới hóa.

- Lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước còn cao, hiện nay là 8,55%/năm (theo Thông tư số 76/2015/TT-BTC ngày 21/5/2015 của Bộ Tài chính), không có sự chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay thương mại nên chưa khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các dự án dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến nông sản và các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

- Quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác chưa đồng bộ, có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng miền, cây, con. Sự khác biệt trong quy trình, tập quán, quy mô sản xuất, yêu cầu nông sinh học của các cây trồng khác nhau, ở vùng miền khác nhau đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, đặt ra những yêu cầu đa dạng rất phức tạp đối với hệ thống máy và thiết bị nông nghiệp.

- Khả năng đầu tư của chủ thể sản xuất cho cơ giới hóa nông nghiệp còn hạn chế. Thu nhập của nông dân còn thấp, thiếu vốn để đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp. Trong khi đó, máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp là những tài

⁵ Đến 31/12/2020 có 17.000 HTX nông nghiệp và 68 LH HTX (Trong đó có 6.046 HTX trồng trọt, 1.025 HTX chăn nuôi, 202 HTX lâm nghiệp, 964 HTX thủy sản, 31 HTX diêm nghiệp, 41 HTX nước sạch nông thôn, 7.549 HTX tổng hợp, 1.142 HTX và 02 LH HTX nông nghiệp yếu kém, đã ngừng hoạt động mà chưa giải thể; Đối với các doanh nghiệp cơ khí chế tạo, dịch vụ bán, sửa chữa, bảo hành hiện có gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp, 1.267 cơ sở, trên 18.000 người chuyên kinh doanh; 1.218 cơ sở gần 15.000 người chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị trong đó khoảng 80% là các cơ sở tư nhân cung ứng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

⁶ Đến nay, cả nước đã đào tạo được 2,84/3,0 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (đạt 94,67% kế hoạch đề ra); số lao động có việc làm hoặc vẫn làm nghề cũ nhưng có thu nhập cao hơn sau khi được đào tạo là 2,79 triệu người (đạt 98,24% so với tổng số lao động được đào tạo); Số hộ gia đình có người tham gia học nghề thoát nghèo 65.515 hộ, số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá 134.016 hộ; cả nước có khoảng 2.510 cơ sở tham gia công tác đào tạo; đã xây dựng được 140 khung chương trình, giáo trình và 32 kỹ năng nghề nông nghiệp.

⁷ Theo số liệu tổng điều tra về nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tại thời điểm 01/7/2016 cả nước có 8,5 triệu hộ nông nghiệp. Số hộ có quy mô dưới 0,2 ha/hộ chiếm gần 40%. Số hộ có quy mô dưới 1 ha/hộ chiếm tỷ lệ 88,3%. Nhóm hộ sử dụng từ 1-2 ha/hộ chiếm 7,7%.

sản có vốn đầu tư ban đầu lớn so với các loại vật tư đầu vào khác như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy, rất ít hộ nông dân có khả năng hoặc mạnh dạn mua sắm máy móc, thiết bị công nghệ nông nghiệp bằng vốn tự có.

Trong khi đối với các hộ nông dân làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp, chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo; không có khả năng mua các máy kéo cỡ lớn (trên 80 Hp) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày.

Năng suất lao động nông nghiệp thấp, bằng 38,1% năng suất lao động chung của nền kinh tế.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn chưa phát triển đồng bộ để đáp ứng cho phát triển cơ giới hóa.

Một trong những rào cản phát triển cơ giới hóa nông nghiệp là giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống tiêu và thoát nước chưa phát triển tương ứng để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển, ứng dụng máy móc, thiết bị nông nghiệp, nhất là các máy móc làm đất cơ bản theo yêu cầu thâm canh, máy cấy nhiều hàng, các máy liên hợp thu hoạch, vận chuyển nông sản...

Từ những lý do nêu trên, để góp phần khắc phục những hạn chế, yếu kém nhằm tiến tới mục tiêu phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, căn cứ khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) việc Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với các chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng nghị định

Ngày 26/3/2021 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Tờ trình số 1772/TTr-BNN-KTHT trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Ngày 01/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định (văn bản số 735/TTg-NN), gồm 04 chính sách: Chính sách 1. Quy định về nội dung, tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản; đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản; Chính sách 2. Nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh lao động, kiểm tra an toàn kỹ thuật máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản; Chính sách 3. Chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ; đồng bộ theo chuỗi sản xuất; chế biến nông sản và Chính sách 4. Chính sách đối với Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định cụ thể 04 chính sách trên như sau:

a) Chính sách 1: Quy định về nội dung, tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản; đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Về nội dung cơ giới hóa được quy định cụ thể tại các điều: Điều 4. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp hiệu quả và bền vững; Điều 5. Máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Điều 6. Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và Điều 7. Nguồn nhân lực;

- Về tiêu chí đánh giá mức độ cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản được quy định tại các điều: Điều 11. Tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Điều 12. Đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, trình độ, năng lực tổ chức, công nghệ của cơ sở, nhà máy chế biến nông sản.

b) Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh lao động, kiểm tra an toàn kỹ thuật máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được đề cập đối với người lao động và người sử dụng lao động và đối với máy, thiết bị, công nghệ trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp tại các điều: Điều 8. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Điều 9. An toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, công nghệ.

c) Chính sách 3: Chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ; đồng bộ theo chuỗi sản xuất; chế biến nông sản.

- Tại Điều 13 quy định về chính sách hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Tại Điều 14 quy định về chính sách hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

d) Chính sách 4: Chính sách đối với Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp được quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Nghiên cứu bổ sung “Tạo cơ sở pháp lý cho thu hút đầu tư để đẩy mạnh cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng cường áp dụng máy, thiết bị, công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông minh..), đổi mới sáng tạo nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh, hướng tới phát triển một nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn bền vững, nông nghiệp số, hội nhập với thị trường quốc tế”.

Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tính thống nhất thông qua quy định về các nội dung, tiêu chí đánh giá dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; các chỉ tiêu đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, trình độ và năng lực công nghệ cơ sở/nhà máy chế biến nông sản; chính sách hỗ trợ gắn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các đối tượng tham gia vào quá trình cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

Tạo ra diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp, áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông minh) đồng bộ giữa các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp với các điều kiện thúc đẩy cơ giới hóa như:

xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp; tổ chức sản xuất; đào tạo nguồn nhân lực; an toàn lao động, vệ sinh lao động; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đồng bộ theo chuỗi liên kết là áp dụng cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*từng phân khúc của chuỗi liên kết*) hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công, hiệu quả thấp sang cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ số, công nghệ thông minh với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn, góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản, nâng cao thu nhập và tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn.

Giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao các chuẩn mực về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Vấn đề an toàn, vệ sinh lao động, điều kiện lao động, thời giờ làm việc đang trở thành một trong những hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu hàng hóa. Việc quản lý, sử dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản ngoài những mặt tích cực là chủ yếu, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Cơ giới hóa nông nghiệp phải được phát triển hướng đến đồng bộ giữa máy móc, thiết bị, công nghệ với điều kiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, tổ chức sản xuất và trình độ lao động; đồng bộ theo chuỗi liên kết giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa, theo chuỗi, quy mô lớn.

- Khuyến khích phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp.

- Bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kế thừa các ưu điểm của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với thực tiễn và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Huy động được nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban soạn thảo tại Quyết định số 2299/QĐ-

BNN-KTHT ngày 19/6/2020, gồm đại diện các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan tham gia. Đã tổ chức các phiên họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; các Hội thảo tham vấn ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia về dự thảo đề cương Nghị định.

2. Tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành, đơn vị liên quan và trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 8214/BNN-KTHT ngày 26/11/2020 về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định gồm: (i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định; (ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (iii) Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; iv) Đề cương xây dựng Nghị định.

3. Ngày 26/3/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Tờ trình số 1772/TTr-BNN-KTHT trình xin chủ trương Thủ tướng Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và các báo cáo, đề cương Nghị định kèm theo.

4. Ngày 01/6/2021, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 735/TTg-NN giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trình Chính phủ tháng 12/2021.

5. Ngay sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học hoàn thiện dự thảo Nghị định và các báo cáo liên quan.

6. Tổ chức xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các đơn vị liên quan và trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4517/BNN-KTHT ngày 20/7/2021 gồm: i) Dự thảo Nghị định, (ii) Dự thảo Tờ trình Chính phủ, (iii) Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

7. Đến nay 24/9/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 87 văn bản góp ý của 13 Bộ, ngành, đơn vị, hiệp hội, gồm các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; Tổng hội cơ khí VN, Tổng công ty Máy động lực máy Nông nghiệp VN, Công ty TNHH máy nông nghiệp Yanmar Việt Nam; Công ty TNHH Kubota Việt Nam. 14 đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, gồm: Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Vụ Quản lý doanh nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục phòng chống thiên tai, Tổng cục thủy lợi, Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ Thực vật, Trường Đại học Lâm nghiệp, Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch và 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cổng thông tin điện tử Chính phủ có 01 ý kiến góp ý. Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT không có ý kiến. Các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định đã được Bộ Nông nghiệp

và PTNT nghiên cứu, giải trình, tiếp thu tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.

8. Hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm 4 Chương và 20 Điều, cụ thể:

Chương I: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh; Điều 2: Đối tượng áp dụng và Điều 3: Giải thích từ ngữ.

Chương II: Nội dung, tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và đánh giá hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp, gồm:

a) Mục 1: Nội dung cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm:

- Điều 4. Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp hiệu quả và bền vững
- Điều 5. Máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 6. Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 7. Nguồn nhân lực.

- Điều 8. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 9. An toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, công nghệ.

- Điều 10. Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp.

b) Mục 2: Tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ và đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, gồm:

- Điều 11. Tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 12. Đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp, trình độ và năng lực công nghệ cơ sở/nhà máy chế biến nông sản.

Chương III: Chính sách hỗ trợ

- Điều 13. Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Điều 14. Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Điều 15. Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp.

- Điều 16. Nguồn vốn hỗ trợ.

- Điều 17. Cơ chế và nguyên tắc hỗ trợ.

Chương IV: Tổ chức thực hiện

- Điều 18 và Điều 19: Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Điều 20. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1 Tên Nghị định và phạm vi điều chỉnh

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất điều chỉnh tên Nghị định như sau: Nghị định về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Lý do: Tiếp thu ý kiến góp của chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, tổ chức, cá nhân đề nghị bỏ cụm từ “khuyến khích” để đảm bảo phù hợp với nội dung dự thảo Nghị định. Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định gồm 2 nội dung lớn là: (i) Quy định các nội dung quản lý nhà nước về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; (ii) một số chính sách hỗ trợ phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận thấy việc sửa đổi tên Nghị định như trên là phù hợp, đảm bảo điều chỉnh toàn diện các nội dung của dự thảo Nghị định, gồm:

- Quy định các nội dung quản lý nhà nước về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm: Nội dung, tiêu chí, đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp; trình độ, năng lực tổ chức, công nghệ của cơ sở, nhà máy chế biến nông sản;

- Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

2.2. Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định, gồm cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng, vận hành máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp dịch vụ cơ giới hóa, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

2.3. Về nội dung cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp:

Dự thảo Nghị định quy định các nội dung quản lý nhà nước về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm:

- Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp hiệu quả và bền vững là việc Nhà nước khuyến khích, đẩy mạnh hoạt động cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; đảm bảo các yêu cầu về đầu tư trang bị nguồn lực hợp lý, hiệu quả, ứng dụng công nghệ số phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến và logistic và hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Quy định cụ thể các lĩnh vực, các khâu thực hiện cơ giới, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm trồng trọt (12 khâu); lâm nghiệp (13 khâu), chăn nuôi (09 khâu), thủy sản (nuôi trồng 12 khâu, khai thác 10 khâu), diêm nghiệp (09 khâu).

- Yêu cầu về máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm: (i) quy định danh mục máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; dây chuyền công nghệ bảo quản, chế biến nông sản được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định; (ii) Quy định về an toàn kỹ thuật máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp: công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật) và công bố hợp quy, công bố tiêu

chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật) nhằm bảo đảm chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;.

- Quy định về tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, gồm tiêu chí về: (i) trang bị máy, thiết bị, công nghệ; (ii) Nguồn nhân lực; (iii) Tổ chức, quản lý sản xuất; (iv) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (v) Phát triển bền vững; (vi) Mức độ thúc đẩy hợp tác, liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Chi tiết đánh giá các tiêu chí tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).

- Quy định về nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề gồm: Nhân lực nghiên cứu, dịch vụ, tư vấn phát triển, quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; nhân lực trực tiếp sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp.

- Quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa nông nghiệp gồm: Người lao động sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động; chấp hành các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và các quy định khác liên quan. Người sử dụng lao động phải bảo đảm điều kiện an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất; tổ chức huấn luyện, hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động nhằm giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong sản xuất nông nghiệp.

- Quy định về thành lập các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp là tổ chức kinh tế đăng ký hoạt động theo hình thức doanh nghiệp, hợp tác xã đáp ứng các tiêu chí (i) Có chức năng, nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo, huấn luyện lao động và cung ứng dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp; (ii) Có trang bị máy móc, thiết bị, công nghệ hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng các nhiệm vụ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; (iii) Có giảng viên hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng nhu cầu đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn vận hành máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp; (iv) Sản phẩm, dịch vụ cơ giới hóa của Trung tâm mang tính cạnh tranh (về chất lượng, giá cả, khả năng đáp ứng đúng thời điểm, mùa vụ, quy mô dịch vụ); (v) Quy mô hoạt động ở cấp độ liên vùng/liên tỉnh.

2.4. Về chính sách hỗ trợ

Dự thảo Nghị định quy định các chính sách hỗ trợ sau: (i) Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; (ii) Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, (iii) Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp

- Hỗ trợ đầu tư mua máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, mức vay tối đa 100% giá trị máy, thiết bị, công nghệ; hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay không quá 3 năm (36 tháng) chính sách hỗ trợ kế thừa Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (mức vay tối đa để mua các loại máy, thiết bị bằng 100% giá trị hàng hóa; mức hỗ trợ lãi suất vốn vay là 100%

trong 2 năm đầu, 50% trong năm thứ ba, cơ chế hỗ trợ trước đầu tư). Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ của dự thảo Nghị định theo cơ chế ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư trực tiếp cho tổ chức, cá nhân vay vốn mua máy móc, thiết bị, mức vay được hỗ trợ tối đa là 100% giá trị máy móc, thiết bị; mức hỗ trợ lãi suất vốn vay là 100% trong 3 năm (36 tháng). Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo cơ chế thương mại thông thường. Cơ chế này sẽ nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của tổ chức, cá nhân trong việc lựa chọn, đầu tư mua máy móc thiết bị, công nghệ đồng thời, việc hỗ trợ sau đầu tư khi phương án/dự án đã hoàn thành đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định về hỗ trợ sẽ tránh được các trường hợp cố tình cấu kết trục lợi chính sách.

Ngoài ra, để phát huy hiệu quả sử dụng máy, thiết bị, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động, chính sách hỗ trợ huấn luyện, đào tạo lao động vận hành máy, thiết bị, công nghệ; hỗ trợ trực tiếp trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân cho lao động vận hành máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp.

- Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết, nội dung hỗ trợ, gồm: Hỗ trợ dòn điền đổi thửa; hỗ trợ huấn luyện, đào tạo lao động vận hành máy, thiết bị, công nghệ và trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân; hỗ trợ tư vấn lập dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật; hỗ trợ chuyển đổi số trong dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; hỗ trợ tín dụng đầu tư.

- Hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp: Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Phụ lục VI dự thảo Nghị định sẽ được Nhà nước hỗ trợ thông qua cơ chế, chính sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp do nhà nước ủy thác. Chính sách hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp quy định tại Điều 15.

2.5. Về nguồn vốn

Đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp thuộc danh mục trong Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 8/8/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 bao gồm: Trang thiết bị cho nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, xây dựng nông thôn mới. Các hoạt động theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019: (i) Tại khoản 6 Điều 5 quy định về đối tượng đầu tư công: “Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”; (ii) Tại Điều 80 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Chính phủ xác định vốn đầu tư ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Căn cứ quy định nêu trên, chi cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại là đối tượng đầu tư công thuộc chi đầu tư phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí dự toán hàng năm.

3. Điểm mới của dự thảo Nghị định so với các quy định hiện hành

Hiện nay, các cơ chế, chính sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật như:

- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

- Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối. Theo đó, tổ chức hộ gia đình, cá nhân đầu tư kho chứa muối, máy thiết bị sản xuất, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối được hỗ trợ vay vốn và lãi suất vốn vay;

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó các dự án chế biến nông, lâm thủy sản; chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; sản xuất chế biến muối; sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp được hỗ trợ mức tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Trong đó hỗ trợ đầu tư cơ sở: bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 25/7/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Dự thảo Nghị định này được xây dựng nhằm cụ thể hóa công tác quản lý nhà nước về cơ giới hóa nông nghiệp; quy định về nội dung, tiêu chí, đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp; trình độ, năng lực tổ chức, công nghệ của cơ sở, nhà máy chế biến nông sản; một số chính sách hỗ trợ cơ giới hóa và dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp. Theo đó, dự thảo Nghị định này có những điểm mới so với các quy định hiện hành nêu trên như sau:

a) Về phạm vi điều chỉnh: Khác với các văn bản QPPL nêu trên, dự thảo Nghị định quy định 02 nội dung lớn: (i) về quản lý nhà nước về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp: Nội dung, tiêu chí, đánh giá mức độ cơ giới hóa nông nghiệp; trình độ, năng lực tổ chức, công nghệ của cơ sở, nhà máy chế biến nông sản; (ii) về một số chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

b) Về đối tượng áp dụng: Đối tượng của các Nghị định, Quyết định đã ban hành khác với dự thảo Nghị định này, cụ thể:

- Đối tượng của các Nghị định, Quyết định đã ban hành: Tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ gia đình; cá nhân hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh muối (Nghị định số 40/2017/NĐ-CP); doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP); tổ chức, cá nhân (chủ tàu) đóng mới tàu, nâng cấp tàu, mua ngư lưới cụ, trang thiết bị hàng hải, trang thiết bị bảo quản hải sản (Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

- Đối tượng của dự thảo Nghị định này: Áp dụng đối với cơ quan nhà nước, hộ gia đình, cá nhân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) đầu tư, sử dụng máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp, cung cấp dịch vụ cơ giới hóa, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

c) Về các chính sách hỗ trợ: Dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ mới, không trùng lặp với các chính sách đã ban hành, trong đó trọng tâm chủ yếu là máy, thiết bị, công nghệ và dây chuyền công nghệ bảo quản, chế biến nông sản đối với các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp: dự thảo Nghị định đề xuất tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg và bổ sung thêm hỗ trợ về công nghệ, gồm công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ thông minh đáp ứng xu thế phát triển công nghệ, phục vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

Dự thảo Nghị định đề xuất hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay không quá 3 năm (36 tháng), mức vay tối đa 100% giá trị máy, thiết bị, công nghệ.

- Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp; dự án đầu tư thực hiện cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, gắn với tổ chức sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phù hợp; gắn kết giữa sản xuất với thị trường. Đây là chính sách mới nhằm hỗ trợ đầu tư theo chuỗi liên kết giữa các khâu sản xuất nông nghiệp từ vận chuyển, sơ chế, bảo quản đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, căn cứ vào nguồn kinh phí được hỗ trợ, điều kiện sản xuất các địa phương chọn nội dung ưu tiên của dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ để xác định nội dung hỗ trợ, cụ thể thứ tự ưu tiên sau:

(1) Hỗ trợ tín dụng đầu tư dây chuyền máy, thiết bị, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

(2) Hỗ trợ tư vấn lập dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, bao gồm: Chi phí nhân công tư vấn kỹ thuật; chi phí khảo sát, đánh giá hiện trạng; chi phí thuê, mua dữ liệu, số liệu; chi phí hội thảo; tham vấn; chi phí in ấn tài liệu.

(3) Hỗ trợ huấn luyện, đào tạo lao động vận hành máy, thiết bị, công nghệ và trang bị phương tiện bảo hộ lao động cá nhân.

(4) Hỗ trợ tập trung đất đai, thuê đất, thuê mặt nước; đào tạo nguồn nhân lực; hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Hiện nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ).

(5) Hỗ trợ chuyển đổi số để thực hiện chuyển đổi số trong dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, bao gồm: Chi phí số hóa bản đồ ruộng, đồng, đất đai; chi phí mua máy, thiết bị quan trắc môi trường, camera quan sát, hạ tầng và thiết bị đường chuyên số; chi phí thuê, mua công nghệ, phần mềm điều khiển số.

Đối với dây chuyền công nghệ bảo quản, chế biến nông sản nhằm khắc phục hạn chế quy định mức lãi suất hỗ trợ cố định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg⁸ Dự thảo Nghị định đề xuất với mức lãi suất hỗ trợ là 4%/năm⁹.

- Về nguồn nhân lực: Dự thảo Nghị định quy định nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp gồm: i) Nhân lực nghiên cứu, dịch vụ, tư vấn phát triển, quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; ii) Nhân lực trực tiếp sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp. Những nội dung này chưa được đề cập toàn diện tại các văn bản QPPL khác.

- Về đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp: Khác với các chính sách hiện hành chỉ tập trung đầu tư *hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp*, tại dự thảo Nghị định này đã quy định hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm hạ tầng sản xuất, hạ tầng công nghệ, hạ tầng môi trường.

- Hỗ trợ phát triển các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp để thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền.

d) Về nguồn vốn thực hiện, gồm:

⁸ Quyết định 68/2013/QĐ-TTg chi hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư, dư nợ cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước chiếm gần 3% tổng dư nợ cho vay chương trình, mức chênh lệch khoảng 2-2,5% không có sự chênh lệch nhiều so với lãi suất cho vay thương mại nên chưa khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp.

⁹ Việc quy định cụ thể mức lãi suất hỗ trợ cố định khác phục được hạn chế tại Quyết định 68/2013/QĐ-TTg (quy định hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư), thời gian qua lãi suất tín dụng đầu tư không thấp hơn, thậm chí cao hơn lãi suất của một số ngân hàng thương mại

(1) Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bố trí vốn chi ngân sách hàng năm cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện nghị định này. Nguồn vốn thực hiện, gồm:

Ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên được giao hàng năm) theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, vốn ngành/lĩnh vực, các chương trình, dự án liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

Các Bộ và địa phương được huy động các nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân.

(2). Nội dung chi ngân sách nhà nước:

- Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước được hỗ trợ từ nguồn chi thường xuyên;

- Các hoạt động đầu tư quy định tại đầu tư mua máy, thiết bị, công nghệ, được hỗ trợ từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển và các chính sách có liên quan đến dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ.

đ) Về tính tương thích của dự thảo Nghị định với điều ước quốc tế có liên quan

Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế có liên quan cam kết gia nhập WTO của Việt Nam trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, trong đó cam kết về trợ cấp Nông nghiệp được xem là “trợ cấp hộp xanh lá cây” bao gồm: hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học; đào tạo; tư vấn; kết cấu hạ tầng nông nghiệp (điện, đường, thủy lợi...).

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định

- Các chính sách quy định tại dự thảo Nghị định cơ bản được kế thừa các chính sách hiện hành, do đó, về cơ bản Nghị định sau khi được thông qua vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành tại các cơ quan trung ương và địa phương (các Bộ, UBND cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Nghị định này gồm kinh phí thường xuyên được giao hàng năm, vốn đầu tư công theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án phát triển khác; vốn ODA, vốn viện trợ và vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân khác.

Dự kiến kinh phí tối đa thực hiện, giai đoạn 2022-2025: Kinh phí dự kiến (tín dụng cho vay): 40.000.000 triệu đồng; vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân khoảng 20.000.000 triệu đồng; vốn ngân sách hỗ trợ dự kiến 11.200 triệu đồng bao gồm nguồn lồng ghép từ các chính sách, chương trình MTQG (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Trường hợp có thể lồng ghép các dự án/tiểu dự án trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025), thì nguồn tài chính thực hiện Nghị định này sẽ giảm so với dự kiến trên.

2. Vấn đề lồng ghép giới

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định dựa trên cơ sở pháp lý, như: Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Luật Bình đẳng giới cũng quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 5), chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới (Điều 7). Việt Nam đã từng bước xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Các quy định trong dự thảo Nghị định đã đảm bảo quyền bình đẳng của tổ chức, cá nhân, của Nam, của Nữ trong việc thực hiện các chính sách. Do đó, dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về bình đẳng giới theo quy định. Vấn đề về lồng ghép bình đẳng giới đã được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định này.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam